



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

THÔNG BÁO

KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG XII/2016



HÀ NỘI, THÁNG I/2017

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 144 trạm khí tượng và khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần, tháng do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn; nguyenson.imh@gmail.com

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG XII/2016.....	3
1. Vùng Tây Bắc.....	3
2. Vùng Việt Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	6
5. Vùng Bắc Trung Bộ	8
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	9
8. Vùng Tây Nguyên	11
9. Vùng Nam Bộ.....	12
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG XII/2016.....	13
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG I - III/2017.....	18
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	18
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	19

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG XII/2016

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng XII/2016 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($0,4^{\circ}\text{C}$ đến $3,5^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương phía Bắc (từ Hà Tĩnh trở ra) phần lớn xấp xỉ hoặc thấp hơn TBNN -60mm đến -10mm, các khu vực phía Nam (từ Quảng Bình trở vào) xấp xỉ hoặc cao hơn TBNN từ 20mm đến 1426mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -172 giờ đến 71 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương khu vực phía Bắc (từ Hà Tĩnh trở ra) xấp xỉ hoặc thấp hơn TBNN từ -17% đến -2%, khu vực phía Nam xấp xỉ hoặc cao hơn TBNN từ 2% đến 12%.

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng XII/2016 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

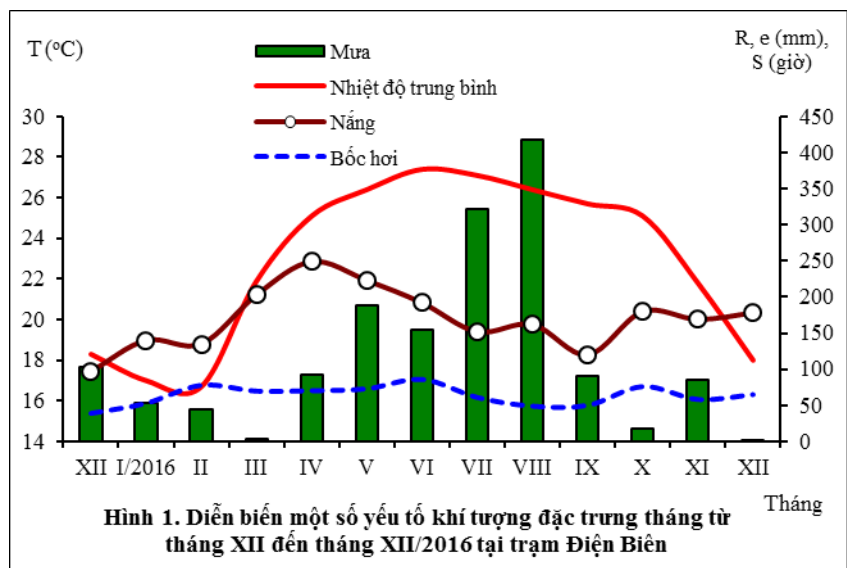
1.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $1,6$ đến $3,5^{\circ}\text{C}$; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $11,9^{\circ}\text{C}$ đến $20,7^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $8,9^{\circ}\text{C}$ đến $17,1^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $3,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 31/XII tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $17,0^{\circ}\text{C}$ đến $27,3^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là $32,3^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 2/XII tại Hòa Bình. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng XII/2015 đến tháng XII/2016 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2016 tại trạm Điện Biên

- Phần lớn các khu vực trong vùng trong tháng XII đều không có mưa, một số khu vực có mưa như Mai Châu, Lạc Sơn, Kim Bôi tuy nhiên lượng mưa không đáng kể, dao động trong khoảng từ 4mm đến 28mm.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 4mm đến 15mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 1 đến 4 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 13 đến 31 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 3 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng XII/2015 đến tháng XII/2016 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng XII/2016 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -15 giờ đến 71 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 94 giờ đến 199 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng XII/2016 dao động từ 66% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -13% đến -2%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 24% xảy ra vào ngày 9/XII tại Yên Châu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng XII/2016 có giá trị phổ biến từ 33mm đến 101mm. Lượng bốc hơi tháng ở mức cao hơn giá trị lượng mưa từ 2mm đến 101mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 2 - 5mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện duy nhất 1 ngày tại Mộc Châu.

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng XII/2016 vùng Việt Bắc ở mức cao hơn giá trị TBNN (1,5⁰C đến 3,0⁰C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 11,0⁰C đến 20,8⁰C;

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 8,8⁰C đến 18,8⁰C, nhiệt độ không khí thấp nhất là 4,5⁰C xảy ra vào ngày 30/XII tại Bắc Hà.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 14,3⁰C đến 25,5⁰C, nhiệt độ không khí cao nhất là 30,7⁰C xảy ra vào ngày 5/XII tại Than Uyên.

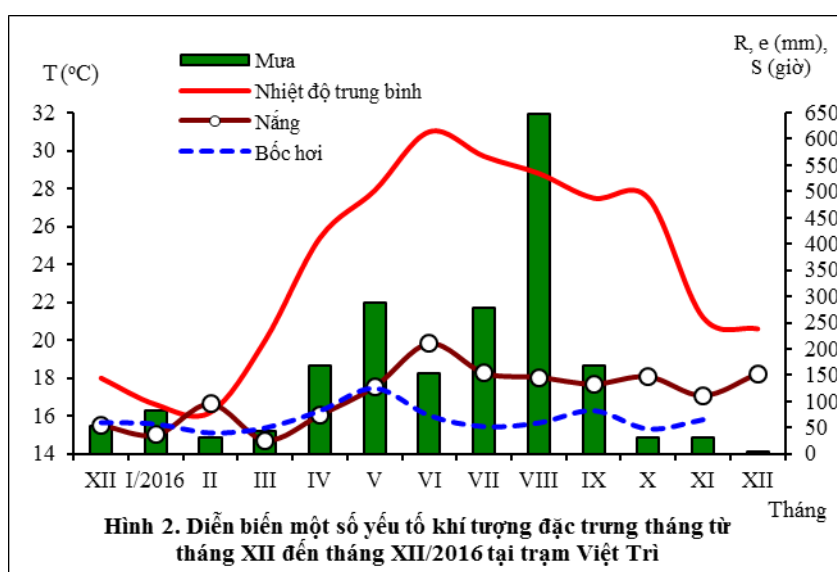
2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 2mm đến 56mm. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-53mm đến 29 mm). Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng XII/2015 đến tháng XII/2016 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 1mm đến 47mm. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 1 - 16 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 5 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 8 đến 31 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng XII/2016 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 100 giờ đến 180 giờ, thấp nhất là 46 giờ xảy ra tại Phú Hộ. Tổng số giờ nắng tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-64 giờ đến 50 giờ) (hình 12).



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2016 tại trạm Việt Trì

- Độ ẩm không khí trung bình tháng XII/2016 phổ biến từ 72 đến 90%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-6% đến 3%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 31%, xảy ra vào ngày 6/XII tại Hà Giang.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 25mm đến 127mm, và có giá trị ở mức cao hơn giá trị lượng mưa (8mm đến 125mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2mm đến 8mm.

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

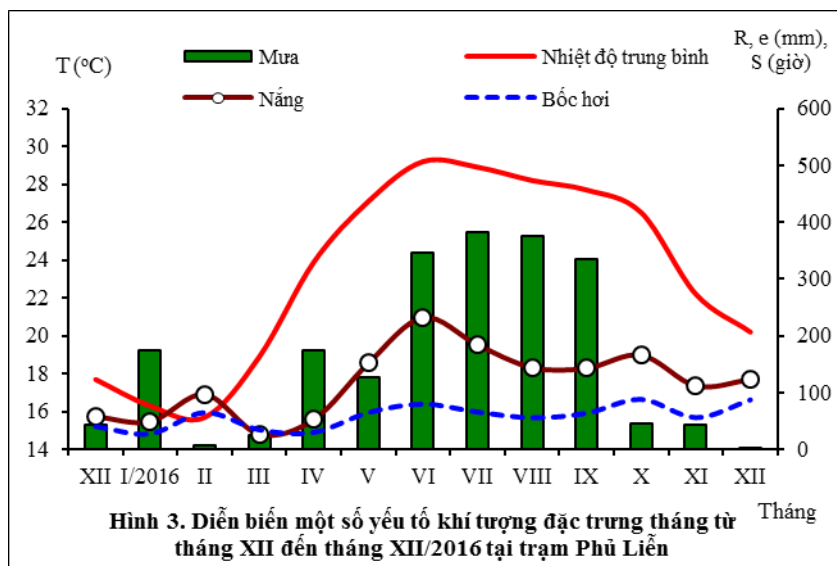
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức cao hơn giá trị TBNN (2,1 đến 3,4°C); có giá trị dao động từ 15,3°C đến 20,5°C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 21,4°C đến 25,9°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 31,0°C xảy ra vào ngày 26/XI tại Bảo Lạc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 11,4⁰C đến 17,7⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 4,4⁰C xảy ra vào ngày 30/XII tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liễn được thể hiện trên hình 3.

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng XII/2016 dao động phổ biến từ 1mm đến 34mm, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-30mm đến -10mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 1 đến 26mm.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2016 tại trạm Phù Liễn

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 1 - 7 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 4 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 11 đến 30 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liễn) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng XII/2016 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-41 giờ đến 60 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 87 giờ đến 177 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng XII/2016 ở các nơi dao động phổ biến từ 69 đến 83%, ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-8% đến -2%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 29% xảy ra vào ngày 7/XII tại Trùng Khánh.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 51mm đến 122mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức dao động xung quanh giá trị lượng mưa (31mm đến 141mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 3 - 10mm (hình 14).

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

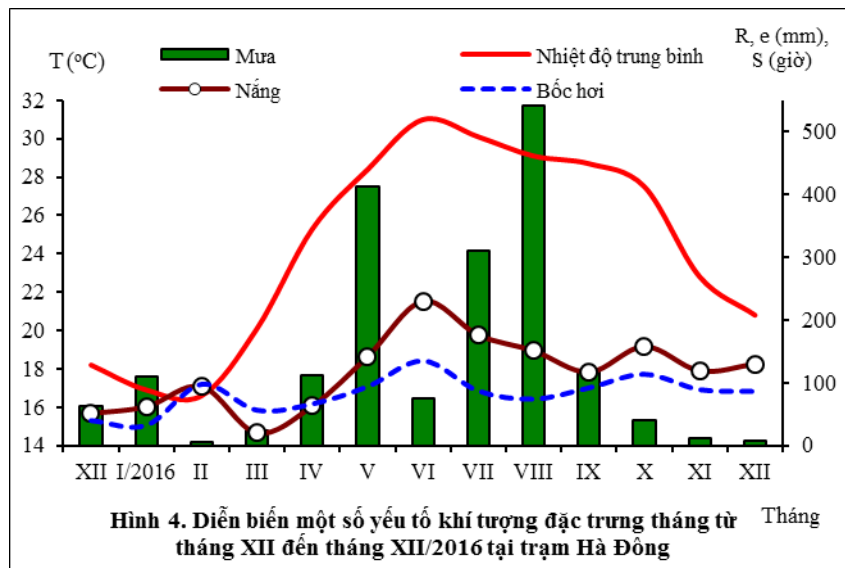
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 20,1⁰C đến 21,5⁰C, ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ 2,0⁰C đến 3,4⁰C) (hình 10);

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 23,2⁰C đến 25,5⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 32,2⁰C xảy ra vào ngày 14/XII tại Sơn Tây;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 17,2⁰C đến 19,0⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 11,8⁰C xảy ra vào ngày 29/XII tại Hải Dương. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-27mm đến -11mm, hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 1mm đến 10mm, cao nhất là 76mm tại Ninh Bình, đây là khu vực duy nhất có lượng mưa cao hơn TBNN.



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2016 tại trạm Hà Đông

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 1 đến 3mm, cao nhất là 71mm xảy ra vào ngày 13/XII tại Ninh Bình; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 1 đến 8 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 3 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 12 đến 26 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng XII/2016 ở các nơi trong vùng dao động từ 84 giờ đến 193 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -44 giờ đến 69 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 64% đến 79%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-17% đến -2%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 32% xảy ra vào ngày 8/XII tại Láng.

- Lượng bốc hơi vùng đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 62mm đến 120mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 6mm. Lượng bốc hơi tháng phổ

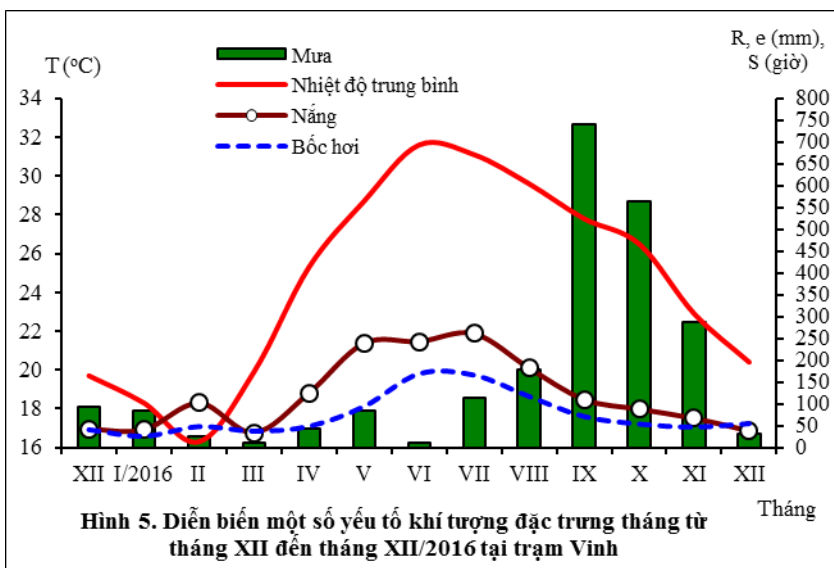
biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa tháng từ 50mm đến 113mm.

5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $1,1^{\circ}\text{C}$ đến $2,4^{\circ}\text{C}$ (hình 10) và có giá trị từ $19,6^{\circ}\text{C}$ đến $20,6^{\circ}\text{C}$.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $22,0^{\circ}\text{C}$ đến $25,4^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ cao nhất là $31,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 21/XII tại Cửa Rào.



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2016 tại trạm Vinh

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $16,3^{\circ}\text{C}$ đến $18,6^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $10,4^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 30/XII tại Quỳnh Châu. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng XII/2016, khu vực tỉnh Hà Tĩnh lượng mưa trên 100mm, khu vực khác dao động phổ biến từ 3mm đến 50mm. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-37mm đến -10mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 1 đến 35mm, cao nhất là 68mm, xảy ra vào ngày 16/XII tại Hà Tĩnh.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 1 - 22 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 8 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 22 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 24 đến 124 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -78 giờ đến 23 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 77% đến 89%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-6% đến -2%); giá trị độ ẩm không

khí thấp nhất tuyệt đối là 28% xảy ra vào ngày 8/XII tại Thanh Hóa.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 32mm đến 77mm; lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 2 - 5mm. Lượng bốc hơi tháng ở một số khu vực tỉnh Hà Tĩnh thấp hơn lượng mưa từ -133mm đến -37mm, các khu vực khác lượng bốc hơi cao hơn lượng mưa từ 10mm đến 74mm.

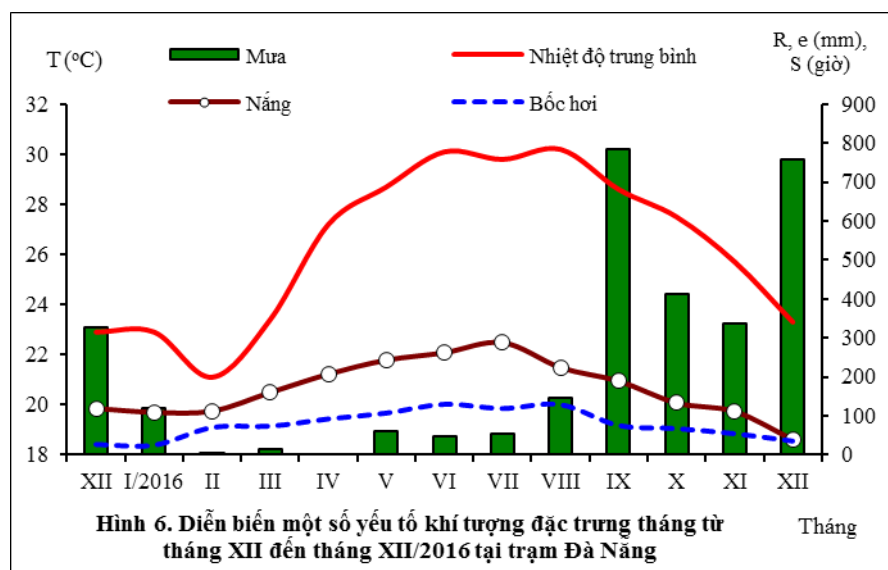
5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện 1 ngày tại Con Cuông.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng XII/2016 từ 18,6°C đến 23,3°C, phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN (0,4°C đến 1,6°C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2016 tại trạm Đà Nẵng

bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 20,4°C đến 26,2°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 30,3°C xảy ra vào ngày 3/XII tại Quảng Ngãi.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 17,5°C đến 21,8°C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 13,1°C xảy ra vào ngày 9/XII tại Tuyên Hóa.

6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng XII/2016 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 150mm đến 1792mm, cao nhất là 2165mm tại Ba Tư. Ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (80mm đến 1426mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 21mm đến 286mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 20 đến 30 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 25 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 6 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 12 giờ đến 46 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-72 giờ đến -47 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 86% đến 98%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 3% đến 10%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 57% xảy ra vào ngày 8/XII tại Đồng Hới.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 10mm đến 60mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 1 đến 4mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-1780mm đến -47mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện 2 ngày tại A Lưới.

7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

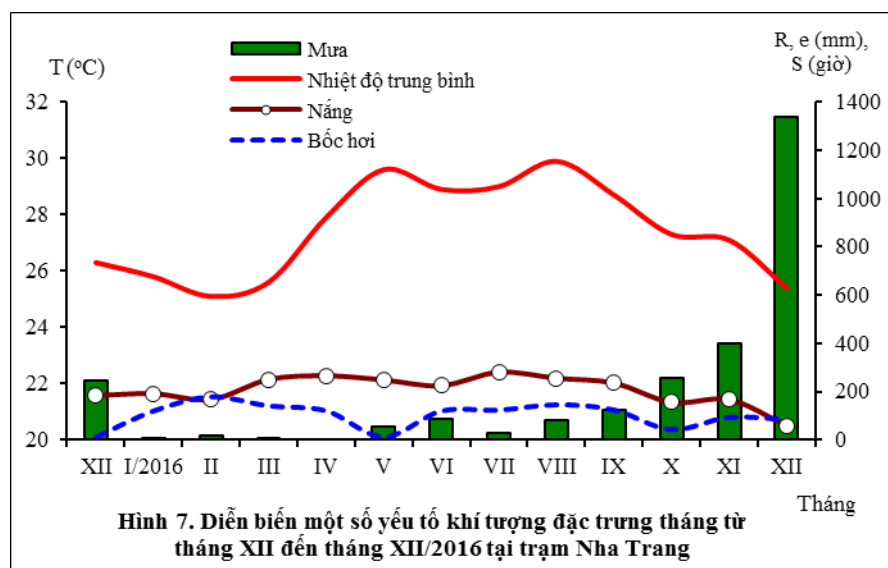
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng XII/2016 từ 24,0⁰C đến 26,3⁰C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,6 đến 1,5⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 26,3⁰C đến 29,6⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 32,6⁰C xảy ra vào ngày 30/XII tại Phan Thiết.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 22,4⁰C đến 24,7⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 19,8⁰C, xảy ra vào ngày 30/XII tại Tuy Hòa. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng XII/2016, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 388mm đến 1487mm, thấp nhất là 98mm tại Hàm Tân. Tổng



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2016 tại trạm Nha Trang

lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 120mm đến 1172mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 25mm đến 316mm. Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 8 đến 27 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 15 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 1 đến 12 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng XII/2016 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 49 giờ đến 123 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-53 giờ đến -152 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 83% đến 90%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 4% đến 7%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 53% xảy ra vào ngày 27/XII tại Hàm Tân.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 43mm đến 101mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 8mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-1253mm đến -46mm).

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

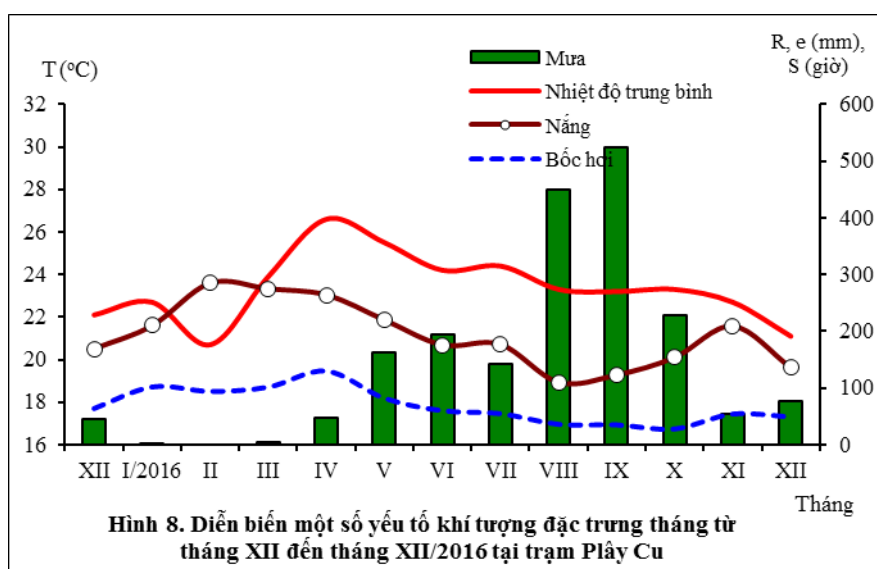
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 7 ngày.

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng XII/2016 từ 17,6⁰C đến 24,2⁰C; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,9⁰C đến 2,3⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 20,8⁰C đến 27,6⁰C; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 31,4⁰C xảy ra vào ngày 3/XII tại Ayunpa.



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2016 tại trạm Plây Cu

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 15,7⁰C đến 21,9⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 12,2⁰C xảy ra vào ngày 26/XII tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng XII/2016 dao động từ 33mm đến 197mm, cao nhất là 1114mm tại An Khê và 1354mm tại M'Drack, ngoại trừ 2 khu vực mưa lớn thì các khu vực khác có lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn trị TBNN (từ 27mm đến 145 mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 18mm đến 188mm. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 8 đến 28 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 11 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 15 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng XII/2016 phổ biến từ 34 giờ đến 155 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-187 giờ đến -72 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 2% đến 7%) (hình 13), có giá trị phổ biến từ 76% đến 91%; độ ẩm không khí thấp nhất là 33% xảy ra vào ngày 26/XII tại Đà Lạt.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 24mm đến 99mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 6mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-48mm đến 135mm).

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện 1 ngày duy nhất tại Buôn Ma Thuột.

9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng XII/2016 từ 25,1⁰C đến 27,4⁰C, phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN (0,6⁰C đến 1,7⁰C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 27,7⁰C đến 31,4⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 34,6⁰C xảy ra vào ngày 22/XII tại Tân Sơn Nhất.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 22,3⁰C đến 25,6⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 19,5⁰C xảy ra vào ngày 28/XII tại Đồng Phú.

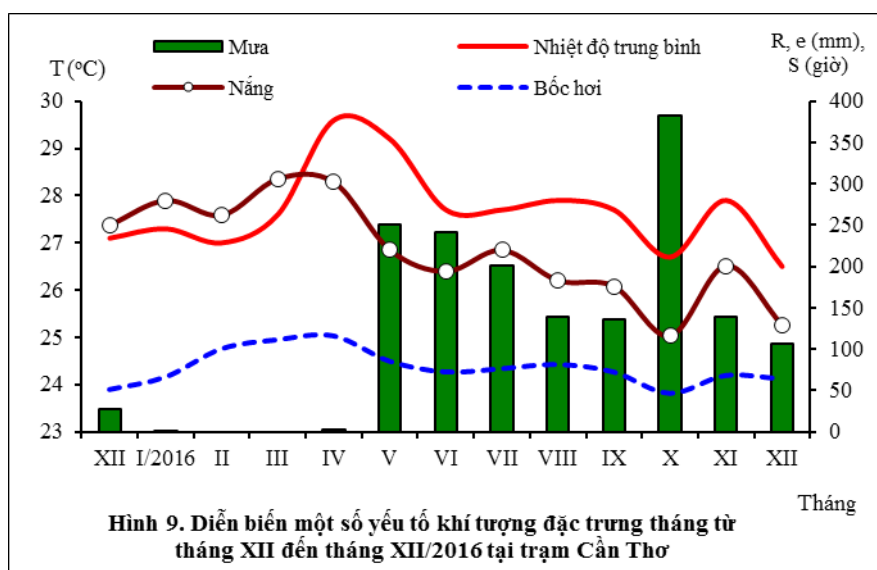
Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng tại trạm Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng XII/2016 dao động phổ biến từ 34mm đến 213mm; ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (10mm giờ đến 114 mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 9mm đến 113mm.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 5 đến 17 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 10 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 15 ngày.



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2016 tại trạm Cần Thơ

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng XII/2016 phổ biến từ 85 giờ đến 188 giờ, ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-38 giờ đến -164 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 78% đến 87%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (2% đến 12%) (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 43% xảy ra vào ngày 23/XII tại Biên Hòa.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 51mm đến 98mm, (hình 14); lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 5mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-93mm đến -20mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 6 ngày.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG XII/2016

Điều kiện khí tượng trong tháng XII/2016 không hoàn toàn thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp do nhiệt độ xuống thấp ở miền Bắc; lượng mưa ít; số giờ nắng

rất thấp, đặc biệt ở miền Trung. Tuy nhiên do phần lớn các địa phương vẫn đang trong thời kỳ chuyển vụ nên không bị ảnh hưởng nhiều.

Trong tháng XII/2016, các địa phương miền Bắc tập trung chăm sóc và thu hoạch một số cây vụ đông trồng sớm, tiếp tục cày lật đất, gieo mạ và tích cực chuẩn bị các yếu tố cần thiết cho vụ sản xuất đông xuân 2016-2017. Các tỉnh miền Nam tiếp tục thu hoạch lúa mùa và thu đông, rau màu vụ mùa và tập trung xuống giống đại trà lúa đông xuân.

1. Đối với cây lúa

Trong tháng XII, nền nhiệt ở một số khu vực Tây Bắc, Việt Bắc dưới ngưỡng thích hợp cho một số diện tích lúa đông xuân đang thời kỳ mọc mầm. Cuối tháng và sang đầu tháng I, nhiệt độ tiếp tục xuống tới ngưỡng rét hại làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất nông nghiệp, ở một số khu vực tốc độ sinh trưởng của cây, mạ sinh trưởng kém đến trung bình (bảng 1).

Lượng mưa tháng XII ở hầu hết các khu vực đều giảm tuy nhiên do được tích nước và công tác thủy lợi được chuẩn bị tốt nên giảm khó khăn về nước cho Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ đang kỳ đổ ải, chuẩn bị bước vào gieo cấy vụ đông xuân. Lúa đông xuân ở miền Trung đang kỳ mọc mầm - cấy, sinh trưởng trung bình trong điều kiện số giờ nắng rất thấp.

Các tỉnh miền Nam thu hoạch lúa mùa đạt 423 ngàn ha, bằng 59% diện tích xuống giống và bằng 90,4% so với cùng kỳ năm trước; riêng các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) thu hoạch đạt hơn 163,6 ngàn ha, bằng 50% diện tích xuống giống và bằng 86,1% cùng kỳ. Đồng thời với thu hoạch lúa mùa, các địa phương miền Nam trong tháng đã tập trung xuống giống đại trà lúa vụ đông xuân, đạt hơn 1.040 ngàn ha, bằng 95,5% so với cùng kỳ năm trước. Riêng vùng ĐBSCL xuống giống đạt 983 ngàn ha, bằng 99% so với cùng kỳ năm trước.

Số lúa đông xuân mới cấy ở miền Nam sinh trưởng trong điều kiện tương đối thuận lợi, trạng thái sinh trưởng khá.

Nhìn chung sản xuất lúa năm 2016 có nhiều thuận lợi. Sản xuất lúa cả năm của cả nước năm 2016, sơ bộ đạt kết quả như sau: Tổng diện tích gieo trồng đạt hơn 7,8 triệu ha, năng suất bình quân đạt 57,4 tạ/ha, sản lượng đạt 44,84 triệu tấn; so với kết quả năm trước diện tích lúa cả năm giảm 96,8 ngàn ha, năng suất tăng 1,7 tạ/ha. Trong đó, các tỉnh miền Bắc, diện tích gieo trồng đạt hơn 2,51 triệu ha, năng suất đạt 55,4 tạ/ha, các tỉnh miền Nam, diện tích gieo trồng đạt 5,29 triệu ha, năng suất bình quân đạt 58,4 tạ/ha.

+ *Lúa đông xuân*: Diện tích gieo trồng lúa đông xuân trên cả nước năm 2014 đạt 3,12 triệu ha, năng suất bình quân đạt 66,9 tạ/ha, sản lượng đạt 20,85 triệu tấn. So với vụ đông xuân năm trước diện tích tăng 10,9 ngàn ha (tương đương 0,4%); năng suất tăng 2,3 tạ/ha (3,5%) sản lượng tăng 78,1 vạn tấn (3,9%). Miền Bắc, diện tích gieo trồng đạt 1,16 triệu ha, năng suất đạt 62,5

tạ/ha. Các tỉnh miền Nam, diện tích gieo trồng đạt 1,95 triệu ha, năng suất đạt 69,5 tạ/ha. Đối với địa bàn miền Nam đây là một trong những vụ lúa đông xuân được mùa nhất từ trước tới nay.

+ *Lúa hè thu*: Diện tích gieo trồng trên cả nước đạt 2,11 triệu ha, năng suất bình quân đạt 53,3 tạ/ha, sản lượng đạt 11,24 triệu tấn; so với vụ trước diện tích giảm 13,2 ngàn ha; năng suất tăng 1 tạ/ha (1,9%) sản lượng tăng 14,2 vạn tấn (1,3%). Các tỉnh miền Bắc, diện tích gieo trồng đạt 173,9 ngàn ha, năng suất đạt 47,9 tạ/ha. Các tỉnh miền Nam, diện tích gieo trồng đạt 1,93 triệu ha, năng suất bình quân đạt 53,7 tạ/ha.

+ *Lúa thu đông*: Tổng diện tích xuống giống đạt 614,6 ngàn ha, năng suất đạt 51,8 tạ/ha, sản lượng đạt xấp xỉ 3,2 triệu tấn; so với vụ trước diện tích giảm 73,4 ngàn ha (-10,7%), năng suất tăng 0,5 tạ/ha, sản lượng giảm 348 ngàn tấn (-10%). Đây là vụ lúa tăng vụ mới xuất hiện trong thời gian gần đây. Tuy nhiên, lúa thu đông là vụ lúa kết quả sản xuất khá bấp bênh do nguy cơ bị mất trắng trong mùa lũ ở vùng ĐBSCL vào thời kỳ thu hoạch.

+ *Lúa mùa*: Tổng diện tích gieo trồng cả nước đạt xấp xỉ 1,97 triệu ha, năng suất bình quân đạt 48,7 tạ/ha, sản lượng đạt 9,57 triệu tấn; so với vụ trước diện tích giảm 21,1 ngàn ha (-1,1%), năng suất tăng 1,7 tạ/ha, sản lượng tăng 228,7 ngàn tấn (2,4%). Các tỉnh miền Bắc, diện tích gieo trồng đạt 1,18 triệu ha, năng suất đạt 49,6 tạ/ha. Các tỉnh miền Nam, diện tích gieo trồng đạt 784 ngàn ha, năng suất bình quân đạt 47,5 tạ/ha.

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Tính đến cuối tuần tháng XII, các địa phương miền Bắc đã cơ bản kết thúc gieo trồng cây vụ đông đạt 414,2 ngàn ha, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích ngô đạt 138,8 ngàn ha, khoai lang đạt 41,7 ngàn ha, đậu tương đạt 48,1 ngàn ha, rau đậu các loại đạt gần 176,3 ngàn ha.

Điều kiện tương đối thuận lợi trong tháng XII góp phần tiếp tục phát triển các cây vụ đông, đặc biệt là các cây rau vụ đông ưa lạnh.

Lạc tại Yên Định đã thu hoạch

Chè lớn ở Mộc Châu sinh trưởng kém, độ ẩm đất trung bình. Chè lớn ở Phú Hộ, Ba Vì ngừng sinh trưởng.

Cà phê ở Tây Nguyên ra nụ, sinh trưởng tốt, đất ẩm trung bình. Ở Xuân Lộc cà phê đâm chồi, sinh trưởng trung bình, độ ẩm đất tương đối khô (bảng 1).

Diện tích cây vụ đông các loại của các địa phương miền Bắc năm nay tăng đối với hầu hết các cây chủ lực như ngô, lạc, đậu tương và rau các loại, chỉ có diện tích khoai lang xấp xỉ cùng kỳ. Diện tích cây vụ đông tăng chủ yếu do yếu tố thời tiết thuận lợi trong thời kỳ gieo trồng, giá cả năm nay có tiến bộ hơn so với năm trước

3. Tình hình sâu bệnh

Theo Cục Bảo vệ thực vật tổng hợp số liệu sơ bộ tình hình dịch hại trên lúa trong năm 2016 đối với một số đối tượng chính. Cụ thể như sau:

- Sâu cuốn lá nhỏ: Tổng diện tích nhiễm 1.073 ngàn ha, tăng hơn 2 lần so với năm 2013. Sâu phát sinh gây hại chủ yếu vụ Hè Thu – Mùa tại các tỉnh phía Bắc

Các tỉnh phía Bắc: Sâu phát sinh gây hại trên diện tích nhiễm 982 ngàn ha, trong đó nhiễm nặng 489 ngàn ha. Đặc biệt, gây hại tập trung trong vụ Hè Thu, Mùa, diện tích nhiễm nặng là 320,3 ngàn ha.

Các tỉnh phía Nam: Nhìn chung mức độ gây hại thấp. Diện tích bị nhiễm sâu cuốn lá nhỏ trong năm là 90,6 ha, trong đó có 633 ha bị nhiễm nặng.

- Rầy nâu, rầy lưng trắng: Diện tích nhiễm 472,9 ha, giảm 6% so với năm 2013, trong đó nhiễm nặng 43,1 ngàn ha. Các tỉnh phía Bắc: Diện tích nhiễm 270,6 ngàn ha, nhiễm nặng 29,5 ngàn ha. Các tỉnh có diện tích nhiễm rầy cao, gồm: Hà Nội, Ninh Bình, Thái Bình, Nam Định, Nghệ An, Quảng Trị, Huế... Các tỉnh phía Nam: Diện tích nhiễm 202,4 ngàn ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 13,663 ha.

- Bệnh lùn sọc đen: Diện tích nhiễm 139 ha, giảm 24% so với năm 2013; Vụ Đông Xuân nhiễm 40 ha, tại các tỉnh Lào Cai, Sơn La, Ninh Bình. Bệnh gây hại chủ yếu ở giai đoạn đẻ nhánh – trổ.

- Bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá: Diện tích nhiễm 1.145 ha, nhiễm nặng 18 ha, bệnh phát sinh chủ yếu trong vụ Hè Thu, tập trung tại các tỉnh Đồng Tháp, Long An, Hậu Giang, An Giang và TP. HCM.

- Bệnh đạo ôn:

+ Đạo ôn lá: Diện tích nhiễm 289,3 ngàn ha, nhiễm nặng 10.469 ha, mất trắng 6 ha,

+ Đạo ôn cổ bông: Diện tích nhiễm 52,3 ngàn ha, diện tích nhiễm nặng 879 ha, mất trắng 25 ha. Bệnh gây hại trên lúa tại các địa phương bị nhiễm đạo ôn lá nặng.

- Bệnh bạc lá - đốm sọc vi khuẩn: Diện tích nhiễm 105,9 ngàn ha, trong đó nhiễm nặng 8.047 ha. Bệnh phát sinh trên lúa Mùa sớm từ giữa tháng 8 và tăng nhanh từ giữa tháng 9 đến cuối vụ chủ yếu trên các giống lúa thuần và lúa lai.

- Sâu đục thân: Diện tích nhiễm 34.695 ha, nhiễm nặng 1.414 ha, mất trắng 2 ha, sâu tập trung chủ yếu ở phía Bắc.

- Chuột: Diện tích nhiễm 54,1 ngàn ha, trong đó nhiễm nặng 1.575 ha. Chuột gây hại nặng trên các trà lúa giai đoạn đẻ nhánh- đòng trổ, gây hại nặng ở những ruộng cạn nước, ven gò đồng.

- Ốc bươu vàng: Diện tích nhiễm 151,4 ngàn ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 9.476 ha

- Bệnh khô vằn: Diện tích nhiễm 521,2 ngàn ha, tương đương so với năm 2013, trong đó nhiễm nặng 50.821 ha, mất trắng 3 ha, tập trung chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc.

Ngoài ra, còn có nhện gié, bọ trĩ, sâu năn, sâu phao,...gây hại trên hàng chục ngàn ha lúa, rải rác trên một số vụ trong năm, trên một số vùng trồng lúa chính với mức độ gây hại nhẹ hơn các loại sâu bệnh khác.

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng XII/2016

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn	Kém	TB	
2		Điện Biên	Lúa đông xuân mọc mầm	Kém		
3		Văn Chấn	Lúa đông xuân gieo đến mọc mầm	Trung bình	Quá ẩm	
4		Tuyên Quang	Chuyển vụ			
5	Đông Bắc	Uông Bí	Lúa đông xuân lá thứ năm	Khá	3cm	
6		Lạng Sơn	Chuyển vụ			
7		Bắc Giang	Chuyển vụ			
8	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn	Ngừng sinh tr ồng		
9		Ba Vì	Chè lớn	Ngừng sinh tr ồng		
10	Đồng bằng sông Hồng	Hà Đông	Chuyển vụ			
11		Hoài Đức	Cam ra lá mới	Kém	T ồng đối khô	
12		Hải Dương	Lúa đông xuân mọc mầm	Trung bình	3cm	
13			Khoai lang củ già	Khá	T ồng đối khô	
14		Hưng Yên	Chuyển vụ			
15		Nam Định	Chuyển vụ			
16		Ninh Bình	Chuyển vụ			
17		Thái Bình	Chuyển vụ			
18	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Lạc thu hoạch			
19		Thanh Hoá	Lúa đông xuân lá thứ 3	TB	Quá ẩm	
20		Quỳnh Lưu	Chuyển vụ			
21		Đô Lương	Chuyển vụ			
22	Nam Trung Bộ	Tuy Hoà	Lúa đông xuân mọc mầm	TB	3cm	
23		An Nhơn	Lúa đông xuân cấy	TB	4cm	
24	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê ra nụ	Tốt	TB	
25	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê đâm chồi	TB	T ồng đối khô	
26		Trà Nóc	Lúa đông xuân lá thứ 3	Khá	3cm	
27		Mỹ Tho	Lúa mùa thu hoạch, chín hoàn toàn	TB	3cm	

28	Bạc Liêu	Chuyển vụ			
----	----------	-----------	--	--	--

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG I - III/2017

3.1. Nhiệt độ

Kết quả dự báo mùa 3 tháng I - III/2017 cho thấy, nhiệt độ có khả năng cao hơn TBNN từ 0,5 – 1,5°C ở hầu hết các khu vực trên cả nước với xác suất từ 55 – 77%. Nhiệt độ có khả năng thấp hơn TBNN từ 0 – 1,5°C ở một phần diện tích Nam Tây Nguyên.

3.2. Lượng mưa

Lượng mưa mùa I - III/2017 có khả năng ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN từ 0 đến 200mm ở đại bộ phận diện tích cả nước với xác suất từ 55 đến trên 77%. Lượng mưa có khả năng thấp hơn TBNN khoảng 200mm ở một phần diện tích Bắc Bộ với xác suất từ 55 đến 77%

3.3. Thời tiết cực đoan:

Theo kết quả thống kê trong 3 tháng I-III trung bình thời kỳ 1971-2000, tần suất xuất hiện XTNĐ trên khu vực Biển Đông xảy ra trong 10 năm là khoảng 4 cơn và ảnh hưởng đến Việt Nam là 1 cơn.

Theo thống kê trong 3 tháng I-III trung bình của thời kỳ 1971 – 2000, có khoảng từ 10 đến 11 đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến Việt Nam.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng I và trên cơ sở dự báo khí hậu 3 tháng I - III/2017 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tập trung thu hoạch lúa mùa sớm và trung vụ;
- Tập trung làm đất gieo trồng rau màu và các cây vụ đông: ngô, đậu tương, khoai tây, khoai lang;
- Tăng cường các biện pháp phòng trừ sâu bệnh;
- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét ở những địa hình dốc cao.

2. Miền Trung

- Tập trung thu hoạch lúa mùa và làm đất gieo trồng các cây vụ đông;
- Tập trung khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra;

- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét, sạt lở đất ở những khu vực miền núi và những nơi có địa hình dốc cao.

3. Miền Nam

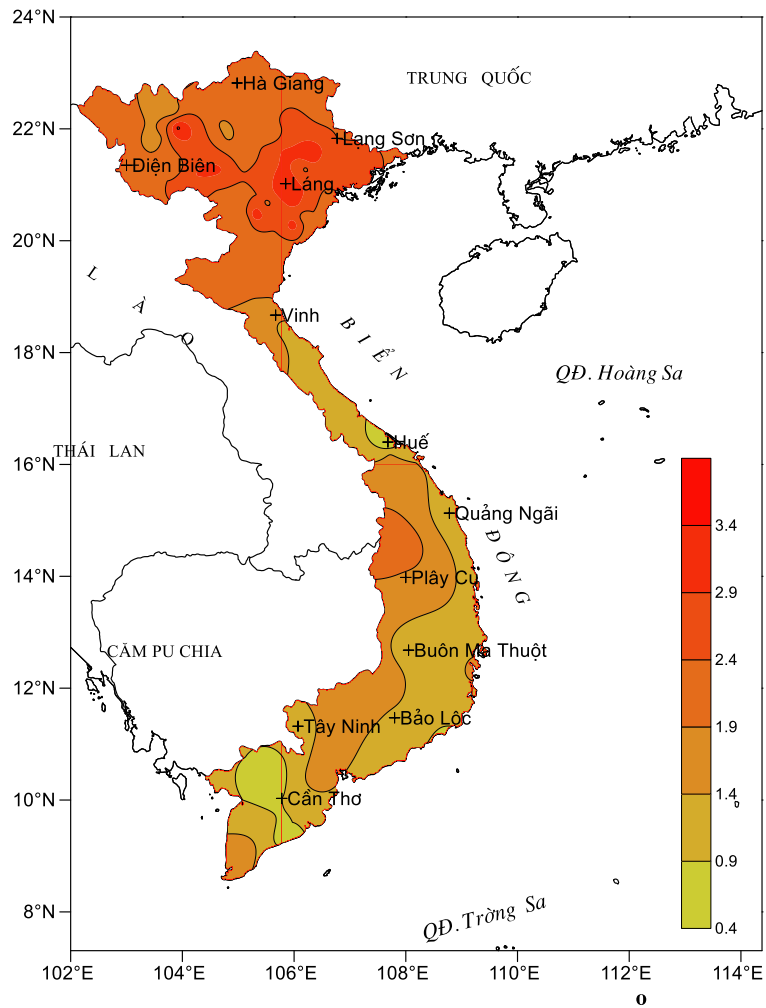
- Tập trung chăm sóc lúa mùa;
- Tăng cường các biện pháp chống úng do mưa bão và triều cường;
- Diệt trừ các loại sâu hại lúa.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

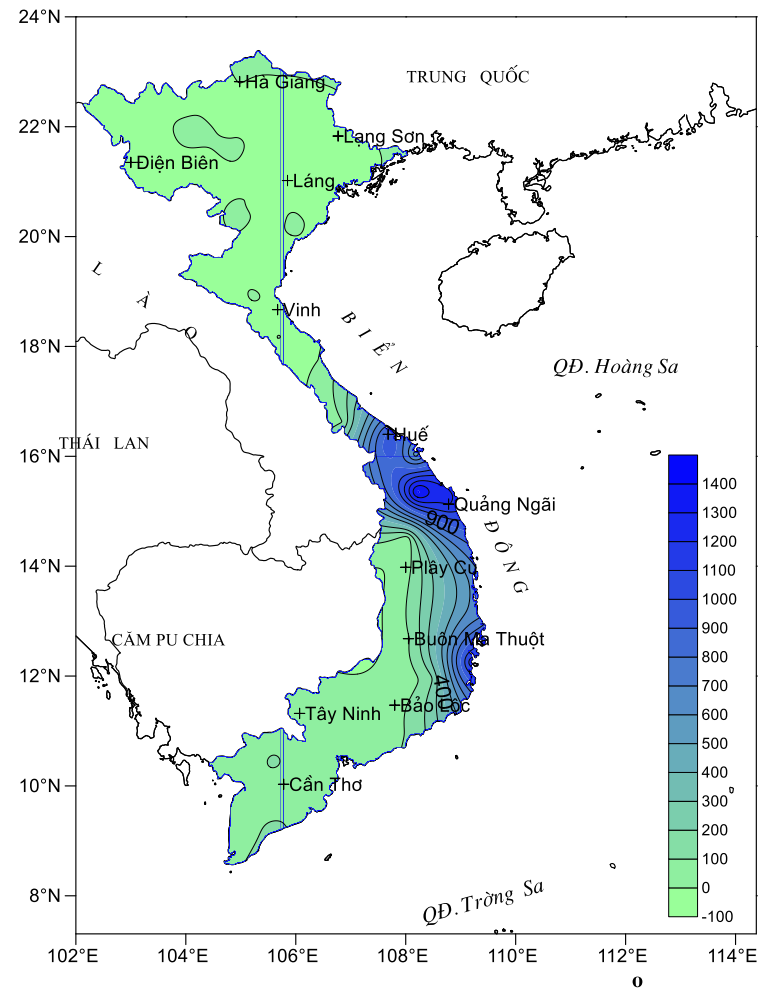
1. Viện Khoa học Khí tượng thuỷ văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng I/2016, I-III/2017;

2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thuỷ văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng I năm 2017 các khu vực trên phạm vi cả nước;

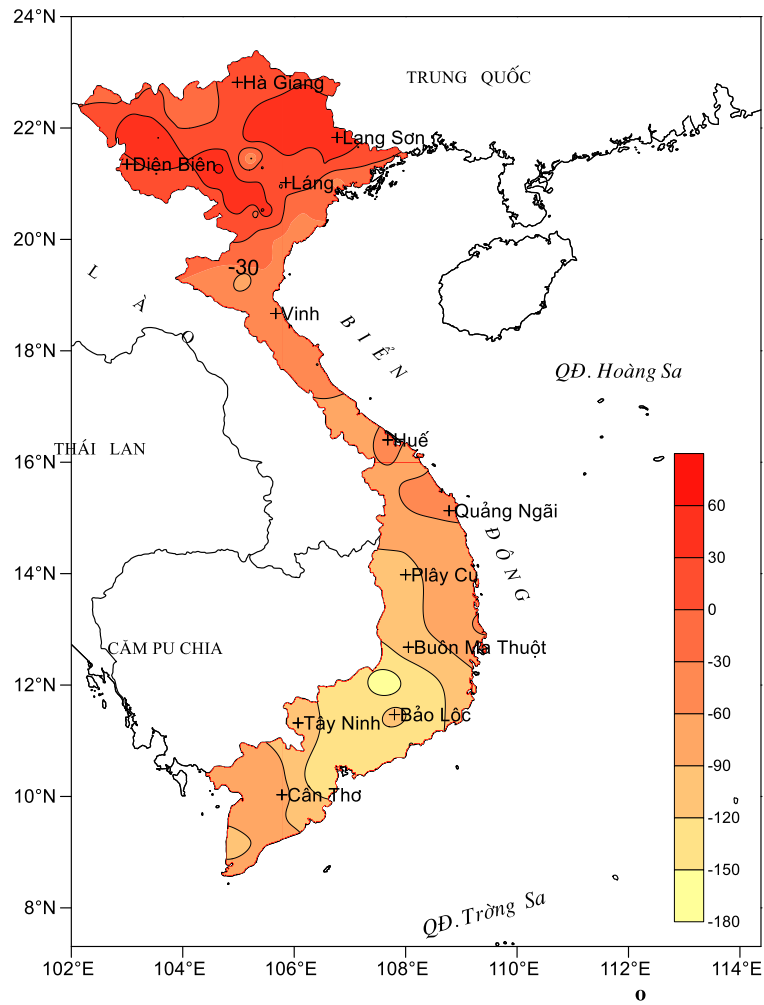
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng XII năm 2016 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



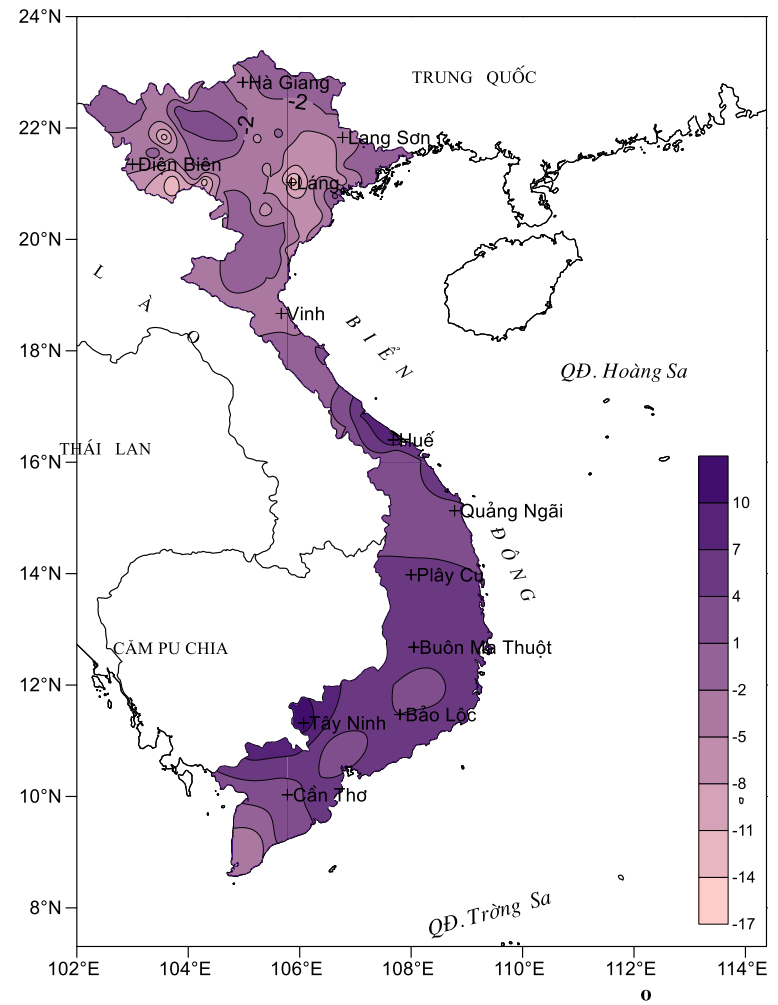
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng XII/2016 so với TBNN (°C)



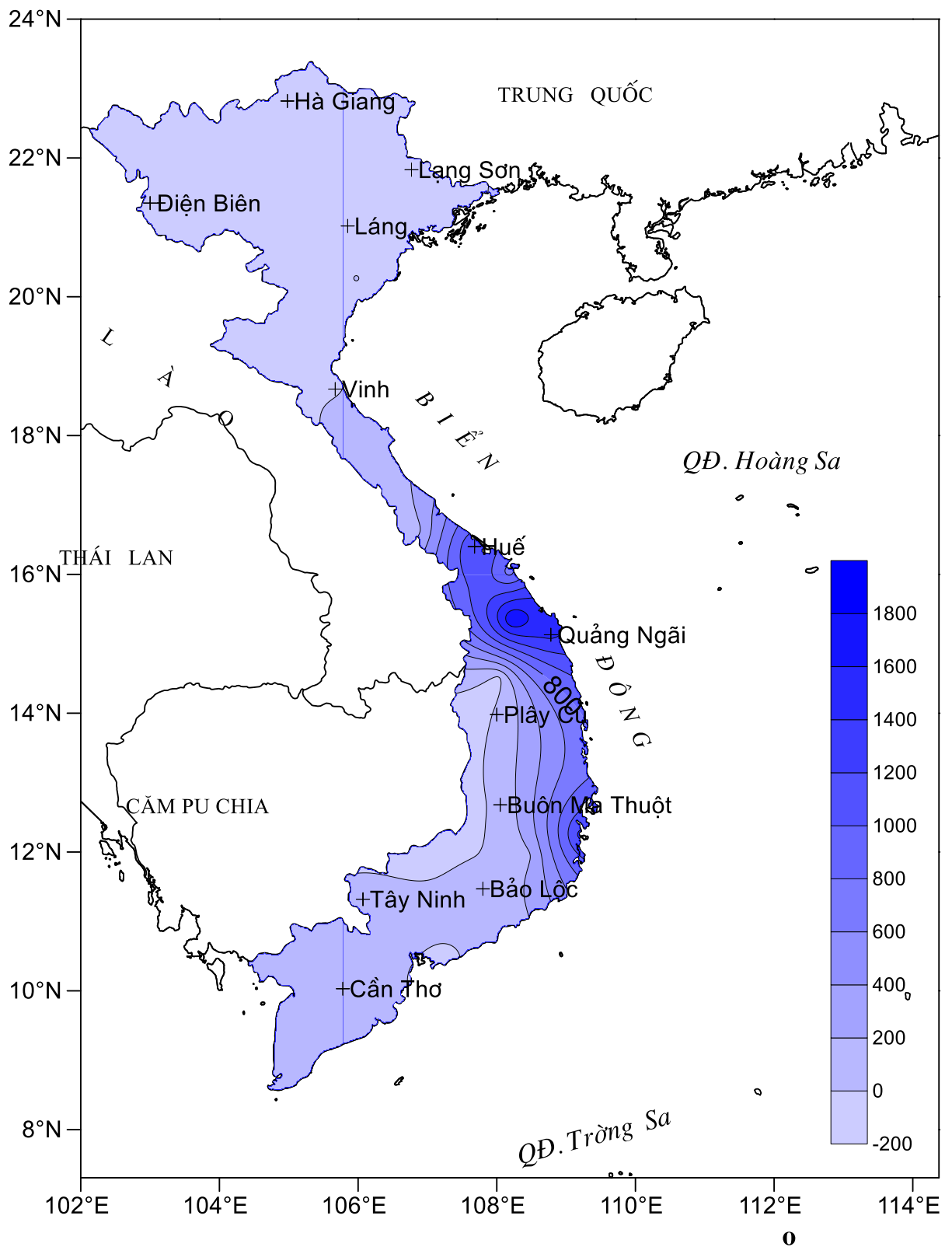
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng XII/2016 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng XII/2016 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng XII/2016 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng XII/2016 (mm)